

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2022/HNGĐ – ST

Ngày: 25/8/2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thắm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đoàn Nam Lê Thiện;

2. Bà Trần Thị Ngọc.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Anh Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 368/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2022/QĐST – HNGĐ ngày 08/8/2022, giữa các đương sự.

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1977; thường trú: Ấp Ô D, xã M C, huyện C T, tỉnh Trà Vinh; tạm trú: Số 37/36 khu phố B Đ 3, phường A B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Quý T, sinh năm 1978; thường trú: Ấp Ô D, xã M C, huyện C T, tỉnh T V; tạm trú: Số 37/36 khu phố B Đ 3, phường A B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2022, đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 29/6/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:**

+ **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Quý T sau thời gian tự nguyện tìm hiểu khoảng 02 năm thì tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M C, huyện C T, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 128, quyển số II ngày 31/12/2002.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng ở ấp Ô D, xã M C, huyện C T, tỉnh Trà Vinh. Năm 2013, vợ chồng lên D A, Bình Dương thuê nhà trọ, cùng làm công nhân cho đến nay. Vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm

2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, bỏ bê, không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ con. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, khoảng tháng 02/2021 vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh Nguyễn Quý T, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn.

+ *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có 05 con chung là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 10/5/1996; Nguyễn Thị Hồng L, sinh ngày 09/10/2000; Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 22/02/2005; Nguyễn Thị Trúc Đ, sinh ngày 25/8/2012 và Nguyễn Quý K, sinh ngày 14/5/2020. Hiện các con chung là D, Đ và K đang do chị H trực tiếp chăm sóc, vì vậy khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng những người con chung này, chị H không yêu cầu anh Nguyễn Quý T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 10/5/1996 và Nguyễn Thị Hồng L, sinh ngày 09/10/2000 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị Nguyễn Thị Mỹ H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Nguyễn Quý T*: Quá trình tố tụng, anh T đã được Tòa án thông báo thụ lý, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 19/7/2022; tham gia phiên tòa vào các ngày 08/8/2022 và ngày 25/8/2022, tuy nhiên anh T vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ H.

- *Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thành phố D A tại Hội liên hiệp phụ nữ phường A B, thành phố D A thể hiện*: Chị Nguyễn Thị Mỹ H không phải là hội viên hội phụ nữ phường. Trước khi khởi kiện ly hôn tại Tòa án, chị H không có yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Hội Liên hiệp phụ nữ phường A B cũng không tiếp nhận thông tin cung cấp từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ánh. Vì vậy, Hội Liên hiệp phụ nữ phường A B không rõ nguyên nhân mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Quý T.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến*:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân*, chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Quý T có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình tố tụng, anh T không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp lời khai và chứng cứ về quan hệ hôn nhân nên có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng

chị H và anh T là trầm trọng, chị H có yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Về con chung, chị H có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 22/02/2005; Nguyễn Thị Trúc Đ, sinh ngày 25/8/2012 và Nguyễn Quý K, sinh ngày 14/5/2020, không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay các con chung là D, Đ và K đang chung sống với chị H. Tại bản tự khai ngày 29/6/2022 các cháu D và Đ đều có nguyện vọng được ở chung với mẹ, cháu K còn nhỏ, anh T vắng mặt, không trình bày ý kiến về vấn đề nuôi con nên yêu cầu của chị H về vấn đề nuôi dưỡng con chung là có căn cứ. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Quý T để tham gia phiên tòa vào các ngày 08/8/2022 và ngày 25/8/2022 nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do. Ngày 19/7/2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H nộp đơn từ chối hòa giải; ngày 29/7/2022 chị H nộp đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt chị H, anh T.

[2] Về việc giải quyết vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Quý T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M C, huyện C T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 31/12/2002 (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 128, Quyền số II) nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị H xác định trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2021 đến nay nên không thể tiếp tục chung sống được với nhau và yêu cầu được ly hôn. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Quý T đến làm việc nhưng anh T đều vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, anh T cũng không có văn bản nào thể hiện thiện chí đưa ra phương pháp hàn gắn mối quan hệ giữa anh và chị H nên có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Nguyễn Thị Mỹ H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Quý T là phù hợp với quy định của Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Quý T có 05 con chung là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 10/5/1996; Nguyễn Thị Hồng L, sinh ngày 09/10/2000; Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 22/02/2005; Nguyễn Thị Trúc Đ, sinh ngày 25/8/2012 và Nguyễn Quý K, sinh ngày 14/5/2020. Hiện nay cháu D, cháu Đ và cháu K đang sống chung với chị H nên khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung nêu trên. Đối với con chung là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 10/5/1996 và Nguyễn Thị Hồng L, sinh ngày 09/10/2000 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T vắng mặt, không có ý kiến gì đối với yêu cầu về nuôi con của chị H đồng thời tại bản tự khai ngày 29/6/2022, cháu

D và cháu Đ đều có nguyện vọng được ở chung với mẹ, cháu K chưa đủ 03 tuổi. Xét cháu D, cháu Đ và cháu K còn nhỏ, từ khi vợ chồng chị H sống ly thân đến nay các cháu đều được chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của phụ nữ và trẻ em sau khi ly hôn cần giao con chung tên Nguyễn Thị Hồng D, Nguyễn Thị Trúc Đ và Nguyễn Quý K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 29/6/2022, chị Nguyễn Thị Mỹ H xác định chỉ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Nguyễn Quý T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là ý chí tự định đoạt của đương sự nên ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Mỹ H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố D A, tỉnh Bình Dương.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn Quý T (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 128, Quyển số II do Ủy ban nhân dân xã M C, huyện C T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 31/12/2002).

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 22/02/2005; Nguyễn Thị Trúc Đ, sinh ngày 25/8/2012 và Nguyễn Quý K, sinh ngày 14/5/2020 cho chị Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Mỹ H về việc không yêu cầu anh Nguyễn Quý T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Quý T đều có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003932 ngày 03/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D A, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thành phố D A (1);
- Chi cục THADS thành phố D A (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thắm**